

# Xin Chào Việt Nam

## Biến động thị trường

|                   | 14/09    | 1 ngày | 1T  | 3T    | YTD   |
|-------------------|----------|--------|-----|-------|-------|
| VNIndex (điểm, %) | 1,788.23 | (0.4)  | 3.4 | (0.6) | 0.2   |
| GTGD (tỷ đồng)    | 19,584   |        |     |       |       |
| VN30 (điểm, %)    | 1,928.57 | (0.4)  | 2.8 | (1.7) | (5.0) |

## Các chỉ số

|                         | 14/09       | 1 ngày | 1T     | 3T     | YTD    |
|-------------------------|-------------|--------|--------|--------|--------|
| TPCP 1 năm (% ,đcb)     | 3.87        | 2.13   | 1.54   | 6.37   | 28.19  |
| TPCP 3 năm (% ,đcb)     | 4.00        | (0.39) | 1.08   | 4.05   | 28.93  |
| USD/VND (%)             | 25,998.00   | (0.09) | 0.80   | 1.12   | 1.15   |
| JPY/VND (%)             | 168.14      | (0.05) | (2.09) | (2.35) | (0.17) |
| EUR/VND (%)             | 29,949.00   | 0.04   | 1.42   | 1.92   | 3.03   |
| CNY/VND (%)             | 3,874.53    | (0.07) | 0.36   | 0.41   | (2.88) |
|                         | Phiên trước | 1 ngày | 1T     | 3T     | YTD    |
| TPKB Mỹ 10 năm (% ,đcb) | 4.99        | (0.04) | 6.25   | 11.46  | 19.64  |
| WTI (USD/thùng, %)      | 102.72      | 1.31   | 24.66  | 27.21  | 78.89  |
| Vàng (USD/oz, %)        | 4,294.03    | (0.02) | (2.39) | (1.02) | (0.29) |

## Giao dịch tự doanh trong nước

| Mua ròng | (Tỷ đồng) | Bán ròng | (Tỷ đồng) |
|----------|-----------|----------|-----------|
| STB      | 20.0      | HPG      | (31.0)    |
| VPB      | 18.5      | VIX      | (16.3)    |
| VIC      | 16.4      | FPT      | (15.4)    |
| MWG      | 13.3      | E1VFN30  | (12.6)    |
| NAB      | 12.2      | MCH      | (10.8)    |

## Giao dịch khối ngoại

| Mua ròng | (Tỷ đồng) | Bán ròng | (Tỷ đồng) |
|----------|-----------|----------|-----------|
| VPB      | 149.4     | HPG      | (170.1)   |
| MBB      | 136.0     | VIC      | (77.0)    |
| TCB      | 131.2     | VNM      | (64.2)    |
| FPT      | 117.2     | STB      | (49.2)    |
| VCB      | 95.5      | VND      | (42.3)    |

## Biến động theo ngành

| Top 5 ngành tăng   | %    | Top 5 ngành giảm        | %      |
|--------------------|------|-------------------------|--------|
| Vật liệu           | 4.64 | Phần cứng & thiết bị    | (5.54) |
| Phần mềm & dịch vụ | 3.60 | Hàng không thiết yếu    | (2.69) |
| Dịch vụ thương mại | 3.33 | Dịch vụ tiêu dùng       | (2.36) |
| Năng lượng         | 2.59 | Dược & sinh học         | (2.36) |
| Tài chính đa dạng  | 2.02 | Truyền thông & giải trí | (2.00) |

## CÓ GÌ HÔM NAY?

### Nhận định thị trường & Tin tức

- Nhận định thị trường:** Rủi ro điều chỉnh vẫn hiện hữu

### Lịch sự kiện

## Ước tính tổng lợi nhuận doanh nghiệp các cổ phiếu trong VN30

|      | LNHĐLN ròng<br>(Tỷ đồng) | Tăng EPS<br>(% n/n) | PE<br>(x) | PB<br>(x) | PS<br>(x) | ROE<br>(%) |      |
|------|--------------------------|---------------------|-----------|-----------|-----------|------------|------|
| 2022 | 2,156                    | 284                 | 102.0     | 11.7      | 1.6       | 1.3        | 14.3 |
| 2023 | 2,230                    | 336                 | 123.1     | 11.7      | 1.6       | 1.5        | 14.8 |
| 2024 | 1,401                    | 401                 | 129.6     | 17.4      | 2.4       | 2.0        | 15.5 |
| 2025 | 1,863                    | 521                 | 177.3     | 10.9      | 1.9       | 1.7        | 17.4 |

Nguồn: KIS Research, Bloomberg

## Các chỉ báo vĩ mô Việt Nam

|                             | 4Q24   | 1Q25   | 2Q25   | 3Q25   | 4Q25   | 1Q26   | 2Q26   |
|-----------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| GDP (% n/n)                 | 7.6    | 7.0    | 8.2    | 8.3    | 8.5    | 7.9    | 8.4    |
| Cán cân thương mại (tỷ USD) | 4.0    | 3.2    | 4.4    | 8.9    | 3.2    | (3.6)  | (3.6)  |
| CPI (% n/n, TB)             | 2.9    | 3.2    | 3.3    | 3.3    | 3.4    | 3.5    | 5.3    |
| Tín dụng (%)                | 13.8   | 16.3   | 17.5   | 13.4   | 17.9   | 15.9   | 16.4   |
| USD/VND (tb)                | 25,386 | 25,565 | 26,121 | 26,424 | 26,296 | 26,342 | 26,312 |
| GDP Mỹ (% n/n)              | 2.5    | (0.3)  | 2.2    | 3.0    | 2.6    | 2.0    | 1.5    |
| GDP Trung Quốc (% n/n)      | 4.8    | 5.4    | 5.2    | 4.8    | 4.5    | 5.0    | 4.3    |

Nguồn: KIS Research, Bloomberg

VUI LÒNG THAM KHẢO NGUYÊN TẮC KHUYẾN NGHỊ, THÔNG TIN CÔNG KHAI VÀ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM Ở CUỐI BÁO CÁO

## Nhận định thị trường & Tin tức

### Nhận định thị trường

#### Rủi ro điều chỉnh vẫn hiện hữu

Áp lực bán tiếp tục chiếm ưu thế, khiến thị trường duy trì sắc đỏ trong phần lớn thời gian giao dịch. Mặc dù lực cầu có thời điểm cải thiện và giúp chỉ số thu hẹp đà giảm, song lực bán gia tăng mạnh trở lại đã khiến thị trường kết phiên trong sắc đỏ.

Kết phiên, VNIndex giảm 0.39%, đóng cửa ở ngưỡng 1,788 điểm. Trong khi đó, VN30Index giảm 0.42%, đóng cửa tại 1,928 điểm. Khối lượng và giá trị giao dịch trong phiên đạt 825 triệu cổ phiếu/19,583 tỷ đồng, tăng lần lượt 39%/28% so với trung bình của năm phiên giao dịch trước đó.

Khối ngoại mua ròng, với hơn 821 tỷ đồng, ở các mã VPB, MBB và TCB với giá trị lần lượt là 149 tỷ đồng, 136 tỷ đồng và 131 tỷ đồng. Ngược lại, họ tập trung bán các mã HPG, VIC và VNM với giá trị lần lượt là 170 tỷ đồng, 76 tỷ đồng và 64 tỷ đồng.

Chứng khoán đóng cửa trong sắc đỏ, ở VIX (-4.91%), HCM (-2.94%), LPS (-2.53%), VPX (-2.29%), VCI (-2.24%) và VCK (-2.07%).

Bất động sản có tỷ suất sinh lợi kém, do VGC (-6.59%), KDH (-3.68%), NVL (-2.05%), VIC (-0.78%) và VHM (-0.42%).

Bên cạnh đó, dòng vốn chảy ra các cổ phiếu vốn hóa lớn như MWG (-2.10%), HPG (-1.88%), LPB (-1.50%), VJC (-1.44%), SHB (-1.30%), STB (-1.16%), VNM (-1.00%), FPT (-0.41%), CTG (-0.33%), MBB (-0.25%) và GVR (-0.17%).

Ở hướng ngược lại, Ngân hàng ghi nhận tăng điểm, bao gồm SSB (+6.83%), VPB (+0.93%), TCB (+0.79%), VCB (+0.52%) và BID (+0.42%).

Thị trường ghi nhận phiên giảm điểm cùng với thanh khoản gia tăng, phản ánh áp lực bán đang có dấu hiệu gia tăng và tâm lý thận trọng tiếp tục chi phối. Đồng thời, chỉ số vẫn đóng cửa dưới hầu hết các đường trung bình động chủ đạo, cho thấy xu hướng ngắn hạn duy trì trạng thái tiêu cực và rủi ro điều chỉnh vẫn còn hiện hữu.

## Lịch sự kiện

### ► Lịch sự kiện

| Ngày GDKHQ | Ngày thực hiện | Mã  | Sàn   | Nội dung sự kiện                   | Tỷ lệ thực hiện | Giá trị |
|------------|----------------|-----|-------|------------------------------------|-----------------|---------|
| 15/09/2026 | 25/09/2026     | PAT | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (2900/cp) | 29.00%          | 2900    |
| 15/09/2026 |                | V68 |       | Đại hội Cổ đông Bất thường         |                 |         |
| 15/09/2026 | 15/09/2026     | CC1 | UPCoM | Phát hành cổ phiếu                 | 5.00%           |         |
| 15/09/2026 | 28/09/2026     | SBM | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1000/cp) | 10.00%          | 1000    |
| 15/09/2026 | 16/10/2026     | BHN | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1520/cp) | 15.20%          | 1520    |
| 15/09/2026 | 16/10/2026     | BHN | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1320/cp) | 13.20%          | 1320    |
| 15/09/2026 |                | BHN | HOSE  | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản    |                 |         |
| 15/09/2026 | 12/10/2026     | AVC | UPCoM | Đại hội Cổ đông Bất thường         |                 |         |
| 15/09/2026 |                | DSE | HOSE  | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản    |                 |         |
| 15/09/2026 | 16/10/2026     | SRF | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (500/cp)  | 5.00%           | 500     |
| 15/09/2026 | 15/09/2026     | TRC | HOSE  | Phát hành cổ phiếu                 | 300.00%         |         |
| 16/09/2026 | 22/10/2026     | HT1 | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (320/cp)  | 3.20%           | 320     |
| 16/09/2026 | 16/10/2026     | HLD | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (500/cp)  | 5.00%           | 500     |
| 16/09/2026 | 24/09/2026     | MSR | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1000/cp) | 10.00%          | 1000    |
| 16/09/2026 | 02/10/2026     | SGC | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1000/cp) | 10.00%          | 1000    |
| 16/09/2026 | 16/10/2026     | TBD | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (3000/cp) | 30.00%          | 3000    |
| 16/09/2026 | 30/09/2026     | ACG | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1000/cp) | 10.00%          | 1000    |
| 16/09/2026 | 07/10/2026     | SZL | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (2500/cp) | 25.00%          | 2500    |
| 16/09/2026 | 16/09/2026     | SZL | HOSE  | Phát hành cổ phiếu                 | 70.00%          |         |
| 17/09/2026 | 17/09/2026     | TCX |       | Phát hành cổ phiếu                 | 20.00%          |         |
| 17/09/2026 | 20/10/2026     | PNC | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (500/cp)  | 5.00%           | 500     |
| 17/09/2026 | 03/10/2026     | BED | HNX   | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản    |                 |         |
| 17/09/2026 | 20/10/2026     | XMP | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1000/cp) | 10.00%          | 1000    |
| 17/09/2026 |                | HPW | UPCoM | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản    |                 |         |
| 17/09/2026 | 17/09/2026     | TRS | UPCoM | Phát hành cổ phiếu                 | 15.00%          |         |

|            |            |     |       |                                     |         |       |
|------------|------------|-----|-------|-------------------------------------|---------|-------|
| 17/09/2026 | 28/09/2026 | BCF | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (800/cp)   | 8.00%   | 800   |
| 17/09/2026 | 20/10/2026 | PVP | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1000/cp)  | 10.00%  | 1000  |
| 17/09/2026 | 20/10/2026 | CTD | HOSE  | Đại hội Đồng Cổ đông                |         |       |
| 17/09/2026 |            | CMC | HNX   | Đại hội Cổ đông Bất thường          |         |       |
| 17/09/2026 |            | QCG | HOSE  | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản     |         |       |
| 17/09/2026 | 15/10/2026 | SSM | HNX   | Đại hội Cổ đông Bất thường          |         |       |
| 17/09/2026 | 17/09/2026 | TDP | HOSE  | Phát hành cổ phiếu                  | 10.00%  |       |
| 18/09/2026 | 16/10/2026 | LMH | UPCoM | Đại hội Cổ đông Bất thường          |         |       |
| 18/09/2026 | 15/10/2026 | NDX | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (500/cp)   | 5.00%   | 500   |
| 18/09/2026 |            | KTS | HNX   | Đại hội Đồng Cổ đông                |         |       |
| 18/09/2026 | 12/10/2026 | ICN | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (800/cp)   | 8.00%   | 800   |
| 18/09/2026 | 07/10/2026 | CKA | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (12000/cp) | 120.00% | 12000 |

**■ Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với cổ phiếu dựa trên lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng tới**

- MUA: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là 15% hoặc hơn.
- Nắm giữ: Tổng lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 15%.
- Bán: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là -5% hoặc thấp hơn.
- CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không cung cấp giá mục tiêu với cổ phiếu khuyến nghị Nắm giữ hoặc Bán.

**■ Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với ngành trong 12 tháng tới**

- Nâng tỷ trọng: Khuyến nghị tăng tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Trung lập: Khuyến nghị giữ tỷ trọng của ngành trong danh mục bằng với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Giảm tỷ trọng: Khuyến nghị giảm tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.

**■ Xác nhận của chuyên viên phân tích**

Chúng tôi, chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này, xác nhận rằng báo cáo phản ánh chính xác quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty được phân tích trong báo cáo. Chúng tôi cũng xác nhận rằng chúng tôi đã, đang và sẽ không nhận được các khoản lợi ích cá nhân nào, liên quan đến khuyến nghị và quan điểm trong báo cáo, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

## Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyển bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2026 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.